

DANH SÁCH NIÊM YẾT THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH VÀ TIẾP TỤC THU HỒI ĐẤT
Dự án: Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và xây dựng đường vành đai xung quanh sân vận động
Địa điểm: Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /04/2026 của UBND phường Nghĩa Lộ)

STT	Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập năm 2022 tỷ lệ 1/500 Nay điều chỉnh									Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)					Loại đất	
				Trích lục	Chỉnh lý	Quy hoạch	DT thuộc hành lang an toàn giao	Diện tích TH trong giấy CN		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=7+8	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Ông Phạm Quang Mạnh	1	191	103,2		2,9			ODT+ HNK	
2	Hộ ông Phạm Văn Đông (đã chết), ông Phạm Văn Hùng là đại diện cho những người thừa kế chưa xác định (nếu có).	1	203		332,1	44,0	17,4	26,6	HNK	
3	Hộ ông Trần Văn Truy	1	205	224,4		26,4			HNK	
4	Hộ ông Nguyễn Ca (chết), có vợ là bà Đặng Thị Hà và 10 người con: ông Nguyễn Đồng, ông Nguyễn Thanh, bà Nguyễn Thị Trúc Giang, bà Nguyễn Thị Nhi, bà Nguyễn Thị Thu Thủy, ông Nguyễn Tân, bà Nguyễn Thị Ngọc, ông Nguyễn Thanh Tuyền, bà Nguyễn Thị Thanh Vân và ông Nguyễn Thâu được hưởng thừa kế.	1	3		264,1	81,3			ODT	
5	Ông Nguyễn Thắng	1	13		304,0	112,1			ODT	
6	Hộ ông Nguyễn Kì (chết), có vợ là bà Phạm Thị Anh và 04 người con là: ông Nguyễn Duy Lành, ông Nguyễn Duy Lân, bà Nguyễn Thị Hiền và bà Nguyễn Thị Cận được hưởng thừa kế.	1	14		322,9	112,5			ODT	

STT	Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập năm 2022 tỷ lệ 1/500 Nay điều chỉnh									Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)						
				Trích lục	Chỉnh lý	Quy hoạch	DT thuộc hành lang an toàn giao	Diện tích TH trong giấy CN	Loại đất	
7	Bà Nguyễn Thị Bé	1	15		275,6	98,4			ODT	
8	Ông Nguyễn Văn Tuyên	1	35		2.598,3	1.472,7			ODT	
9	Ông Tạ Ngà	1	49	275,5		275,5			ODT	
10	Sở Văn hóa Thông tin và Du Lịch Quảng Ngãi	1	51		679,7	679,7			DTT	
11	Bà Tạ Thị Nữ	1	54	99,4		51,2			ODT	
12	Ông Nguyễn Thiên Ngọc Ấn	1	55		289,3	104,1			ODT	
13	Ông Tạ Ngà	1	64	98,5		98,5			ODT	
14	Ông Võ Thành Sơn và bà Lê Thị Hoàng Oanh	1	77	123,2		3,7			ODT+ HNK	
15	Võ Thành Sơn và bà Lê Thị Hoàng Anh	1	78	106,8		72,1			ODT	
16	Bà Nguyễn Thị Phương Ánh, và bà Nguyễn Thị Hà	1	80	301,4		123,6			ODT+ HNK	
17	Ông Nguyễn Lê Tân và ông Nguyễn Lê Tín	1	81	340,6		125,1			ODT+ HNK	
18	Ông Nguyễn Lê Tín và ông Nguyễn Lê Tiên	1	82	308,8		112,4			ODT+ HNK	

STT	Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập năm 2022 tỷ lệ 1/500 Nay điều chỉnh									Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)						
				Trích lục	Chỉnh lý	Quy hoạch	DT thuộc hành lang an toàn giao	Diện tích TH trong giấy CN	Loại đất	
19	Ông Nguyễn Hưng và bà Lê Thị Một	1	83	365,3		130,6			ODT+ HNK	
20	Bà Nguyễn Thị Huyền	1	126	221,1		0,7			HNK	
21	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	1	163	161,4		27,5			ODT+ HNK	
22	Bà Trần Thị Thanh	1	166	99,8		50,7			ODT	
23	Ông Nguyễn Quốc Hưng và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	1	167	111,8		66,5			ODT	
24	Ông Nguyễn Tấn Thành và bà Nguyễn Thị Đào	1	168	91,6		44,3			ODT	
25	Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1	169	64,7		26,0			ODT	
26	Ông Nguyễn Dâu	1	170	64,5		59,6			ODT	
27	Bà Tạ Thị Em	1	196		1.503,3	569,2			ODT	
28	UBND phường	1	197		165,7	165,7			HNK	
29	Bà Lê Thị Em	1	198		917,1	208,5			ODT	
30	UBND phường	1	199		132,9	132,9			HNK	
31	Bà Nguyễn Thị Bé	1	217		195,7	108,4			ODT	

sai số thửa

STT	Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập năm 2022 tỷ lệ 1/500 Nay điều chỉnh									Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)						
				Trích lục	Chỉnh lý	Quy hoạch	DT thuộc hành lang an toàn giao	Diện tích TH trong giấy CN	Loại đất	
32	Ông Phạm Ngọt	1	16	281,8		45,6			HNK	
33	Ông Võ Thành Hải	1	18		944,7	944,7			HNK	
34	Ông Nguyễn Thận	1	53	115,9		115,9			HNK	
35	Ông Nguyễn Thận		200	84,9		84,4			HNK	
36	Ông Nguyễn Văn Tư và bà Trần Thị Huệ	1	201		492,7	434,6			HNK	
37	Ông Ngô Xuân Phúc	1	202		155,7	118,9			HNK	
38	Ông Nguyễn Đình Phong	1	205		77,7	77,7			HNK	
Tổng cộng			38	3.644,6	9.651,5	7.008,6	17,4	26,6		